

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01-7-2021

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Huy Diệu;
2. Ông Nguyễn Đức Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đại - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 6 và 01 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2020/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 12 năm 2020 và thụ lý bổ sung số 270A/2021/TLST-HNGĐ ngày 10/3/2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2021 và thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 02/2021/TB-TA ngày 21/6/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện Gi, tỉnh Hải Dương (có mặt);
2. Bị đơn: Anh Lê Đình Gi, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện Gi, tỉnh Hải Dương (có mặt).
3. Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn Ch, ông Lê Đình Q (đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – chị Th trình bày: Chị và anh Lê Đình Gi được tự do tìm hiểu, ngày 18 tháng 3 năm 2018 được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục cổ truyền (do tại thời điểm đó chị Th chưa đủ

tuổi kết hôn), đến ngày 26/12/2018 được Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện Gi, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục thì anh chị về chung sống cùng gia đình anh Gi tại thôn L, xã H, huyện Gi, cuộc sống chung giữa hai người chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nết nhau, anh Gi đòi hỏi chị phải gánh vác toàn bộ kinh tế gia đình, khi chị không đáp ứng được thì anh Gi và gia đình anh Gi có những lời nói xúc phạm chị, không quan tâm gì đến chị. Tháng 6 năm 2020 gia đình anh Gi đuổi chị ra khỏi nhà, chị phải về sống cùng bố mẹ đẻ nhưng do chỗ ở chật hẹp, hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn, chị không đủ điều kiện để thuê nhà ở nên buổi tối chị phải đi ngủ nhờ, hôm ngủ nhờ nhà bà ngoại, hôm ngủ nhờ nhà dì (đều ở cùng làng). Từ tháng 6 năm 2020 đến nay anh chị không gặp gỡ, quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn.

Về quan hệ con chung: Chị và anh Gi có 01 con là Lê Thị Tường V, sinh ngày 28/8/2018 hiện anh Gi đang nuôi dưỡng. Chị rất muốn được nuôi con nhưng do hoàn cảnh của chị hiện nay rất khó khăn, không có chỗ ở, không có người giúp đỡ trong việc trông nom, chăm sóc con nên đề nghị Tòa án giao con cho anh Gi tiếp tục nuôi dưỡng, chị có trách nhiệm cấp dưỡng cho con hàng tháng theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ tài sản chung: Chị và anh Gi có 01 xe mô tô, nhãn hiệu Janus, biển số 34E1-236.05, mua vào ngày 20 tháng 3 năm 2018, đăng ký mang tên chị, hiện chị đang quản lý, sử dụng. Ngày 18/5/2021, Hội đồng định giá xác định chiếc xe hiện có trị giá là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng). Chị đề nghị Tòa án giải quyết phân chia theo quy định của pháp luật, chị xin nhận sử dụng xe và sẽ trả cho anh Gi bằng giá trị phần tài sản anh Gi được hưởng. Ngoài ra, anh chị không còn bất kỳ tài sản chung nào khác. Anh Gi khai, tài sản chung của anh chị còn có 01 dây chuyền khối lượng 03 chỉ vàng 9999 hiện chị đang quản lý, sử dụng là không đúng. Chị xác định, chiếc dây chuyền trên là tài sản riêng của chị, do chị trực tiếp mua tại hiệu vàng Kim Thành ở thị trấn Ninh Giang vào ngày 11/3/2018 với giá là 11.230.000đ, đây là số tiền bố mẹ đẻ của chị cho để làm quà trước khi chị đi lấy chồng.

Tại lời khai, bị đơn - anh Lê Đình Gi trình bày: Quá trình kết hôn, thời gian chung sống, con chung đúng như chị Th trình bày, còn nguyên nhân mâu thuẫn anh xác định là do chị Th thiếu tôn trọng anh và gia đình anh. Tháng 6 năm 2020 chị Th tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, từ đó đến nay hai người không quan tâm đến nhau. Nay chị Th khởi kiện xin ly hôn, anh nhất trí ly hôn. Về con chung, do con còn nhỏ

nên anh đề nghị Tòa án giao con cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh sẽ cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ tài sản chung: Anh xác định ngoài 01 chiếc xe mô tô trị giá 15.000.000đ như chị Th đã trình bày ở trên thì anh chị còn 01 dây chuyền, khối lượng 03 chỉ vàng 9999, trị giá: 15.800.000đ hiện chị Th đang quản lý, sử dụng. Anh xác định chiếc dây chuyền này được chị Th mua tại hiệu vàng Kim Thành ở thị trấn Ninh Giang vào ngày 11/3/2018 với giá 11.230.000đ, khi mua do thiếu tiền nên anh đã đưa cho chị Th số tiền 3000.000đ góp vào để mua. Do vậy, anh xác định đây là tài sản chung của vợ chồng, đề nghị Tòa án phân chia theo quy định của pháp luật. Việc anh đưa tiền cho chị Th có ông Lê Đình Q là bố đẻ của anh biết.

Tại phiên Tòa: Chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Gi; giao con cho anh Gi trực tiếp nuôi dưỡng, chị có trách nhiệm cấp dưỡng cho con hàng tháng; về tài sản chung anh chị chỉ có 01 xe mô tô trị giá 15.000.000đ, đề nghị phân chia theo quy định của pháp luật.

Anh Gi nhất trí ly hôn với chị Th, anh đề nghị giao con cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh có trách nhiệm cấp dưỡng cho con là 1000.000đ (một triệu đồng)/tháng, còn tài sản chung anh chị có 01 xe mô tô trị giá 15.000.000đ và 01 dây chuyền 3 chỉ vàng 9999, trị giá 15.800.000đ, anh đề nghị phân chia theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, anh Gi yêu cầu buộc chị Th phải cấp dưỡng cho con trong thời gian anh chị ly thân, anh một mình nuôi con từ tháng 6 năm 2020 đến nay, với số tiền là 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 55, 81, 82, 83; Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Lê Đình Gi; giao cho anh Gi trực tiếp nuôi con là Lê Thị Tường V, sinh ngày 28/8/2018, chị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con hàng tháng, với số tiền là 1.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2021 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi); chấp nhận một phần yêu cầu của anh Gi, buộc chị Th phải cấp dưỡng cho con một lần trong thời gian từ tháng 6/2020 đến tháng 6/2021, với số tiền là 13.000.000đ (mười ba triệu đồng). Về tài sản: chấp nhận một phần yêu cầu của anh Gi, xác định chị Th, anh Gi có khối tài sản chung là 01 xe mô tô, trị giá 15.000.000đ, giao cho chị Th sở hữu, sử dụng xe, chị Th có nghĩa vụ trả chênh lệch cho anh Gi số tiền 7.500.000đ; bác yêu cầu của anh Gi về việc xác định 01 dây chuyền trọng lượng 03 chỉ vàng 9999 hiện chị Th đang quản lý, sử dụng là tài sản

chung của vợ chồng để chia. Xác định chiếc dây chuyền là tài sản riêng của chị Th. Các đương sự phải chịu án phí, lệ phí định giá theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự trong phần tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị Th và anh Lê Đình Gi kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã H, huyện Gi nơi sinh sống của anh chị tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/12/2018, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của pháp luật nên hôn nhân giữa chị Th và anh Gi là hợp pháp.

[2] Tháng 6 năm 2020 do mâu thuẫn, chị Th về nhà bố mẹ đẻ ở, hai người sống ly thân, không gặp gỡ quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, không thể quay lại đoàn tụ, chung sống hạnh phúc với nhau được nữa nên khởi kiện xin ly hôn, anh Gi nhất trí ly hôn. Như vậy, chính tổ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Lê Đình Gi.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Th, anh Gi có 01 con là Lê Thị Tường V, sinh ngày 28/8/2018 hiện anh Gi đang nuôi con. Nay chị Th đề nghị giao con cho anh Gi tiếp tục nuôi dưỡng, còn anh Gi đề nghị giao con cho chị Th nuôi dưỡng. HĐXX thấy rằng: hiện cả chị Th và anh Gi đều làm công nhân, có mức thu nhập từ 4-5 triệu đồng/tháng, điều kiện của anh Gi ở cùng với bố mẹ đẻ, được bố mẹ đẻ giúp đỡ trong việc trông nom, chăm sóc con, còn chị Th do hoàn cảnh của gia đình bố mẹ đẻ khó khăn, không giúp đỡ được chị về chỗ ở, hiện chị không có chỗ ở, hàng ngày đi làm tại công ty, tối về phải đi ngủ nhờ, hôm thì ngủ nhờ nhà bà ngoại, hôm thì ngủ nhờ nhà dì ở cùng thôn. Mặt khác, theo địa phương cung cấp, vào cuối năm 2020 khi vợ chồng chị Th mâu thuẫn, chị Th về nhà bố mẹ đẻ ở, khi đó chị muốn đưa con đi cùng song anh Gi và gia đình không đồng ý, chị có đơn đề nghị chính quyền địa phương xã can thiệp, UBND xã đã mời hai bên đến giải quyết song anh Gi và gia đình vẫn không giao con cho chị Th nuôi dưỡng, từ tháng 6 năm 2020 đến nay anh Gi vẫn nuôi con, hiện cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Từ phân tích trên, thấy rằng mặc dù hiện con Lê Thị Tường V chưa đủ 36 tháng tuổi (mới được 34 tháng 03 ngày tuổi) nhưng chị Th không đủ điều kiện về chỗ ở để nuôi con, nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, HĐXX sẽ giao cho anh Gi trực tiếp nuôi con, buộc chị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con hàng tháng.

[4] Về yêu cầu buộc chị Th phải cấp dưỡng cho con trong thời gian từ tháng 6 năm 2020 đến nay, với số tiền 24.000.000đ của anh Gi. HĐXX thấy rằng: Tại khoản

2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tại phiên tòa chị Th xác định trong suốt thời gian từ tháng 6 năm 2020 đến nay do anh Gi trực tiếp nuôi con và chị cũng không cấp dưỡng được khoản tiền nào cho con. Do vậy, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu của anh Gi, buộc chị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con một lần, trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2020 đến tháng 6 năm 2021.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Chị Th xác định vợ chồng chỉ có 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Jannut, biển số 34E1-236.05, trị giá: 15.000.000đ là tài sản chung, còn anh Gi xác định ngoài chiếc xe mô tô trên, tài sản chung của anh chị còn 01 dây chuyền trọng lượng 03 chỉ vàng 9999, trị giá 15.800.000đ đang do chị Th quản lý, sử dụng. HĐXX thấy rằng: Chiếc xe mô tô được mua vào ngày 20/3/2018 trước khi anh chị đăng ký kết hôn song sau khi hai gia đình đã tổ chức lễ cưới theo phong tục cổ truyền (ngày cưới 18/3/2018), số tiền mua xe hết 33.490.000đ, trong đó anh Gi đóng góp số tiền 17.000.000đ, còn lại là tiền của chị Th bỏ ra, sau khi mua về xe được sử dụng chung, nay cả anh Gi, chị Th đều xác định đây là tài sản chung nên HĐXX xác định chiếc xe mô tô là tài sản chung của vợ chồng và được phân chia theo quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình. Đối với 01 dây chuyền 03 chỉ vàng 9999 được chị Th mua ngày 11/3/2018, trước thời điểm anh chị tổ chức lễ cưới cũng như đăng ký kết hôn, số tiền mua dây chuyền hết 11.230.000đ, chị Th khai do bố mẹ đẻ của chị cho để mua đồ trang sức làm quà trước khi chị đi lấy chồng. Lời khai này của chị Th phù hợp với lời khai của bố mẹ đẻ và hai chị gái của chị Th. Anh Gi khai, khi mua dây chuyền anh có đưa cho chị Th số tiền 3 triệu đồng, tuy nhiên chị Th không thừa nhận, duy nhất chỉ có lời khai của ông Lê Đình Q là bố đẻ của anh xác định đã chứng kiến việc anh Gi đưa cho chị Th số tiền 3 triệu đồng để mua dây chuyền tại cửa hàng vàng Kim Thành, song chủ hiệu vàng lại xác định không thấy việc này. Như vậy, không đủ căn cứ xác định việc anh Gi có đưa cho chị Th số tiền 3 triệu đồng để mua dây chuyền nên HĐXX xác định dây chuyền 3 chỉ vàng 9999 hiện chị Th đang quản lý, sử dụng là tài sản riêng của chị Th, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Gi xác định 01 dây chuyền 3 chỉ vàng 9999 là tài sản chung để phân chia.

[6] Về án phí, lệ phí: Chị Nguyễn Thị Th khởi kiện xin ly hôn, phải cấp dưỡng cho con và được chia một phần tài sản nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, án phí cấp dưỡng và án phí dân sự chia tài sản theo quy định của pháp luật; anh Gi phải chịu án phí dân sự chia tài sản theo quy định của pháp luật. Về lệ phí định giá tài sản, anh Gi có yêu cầu cả hai bên cùng chịu nên lệ phí định giá mỗi bên phải chịu một nửa, số tiền định giá tài sản hết 900.000đ anh Gi đã bỏ ra nay buộc chị Th phải trả lại cho anh Gi số tiền 450.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55; các điều 81, 82, 83; Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Th ly hôn anh Lê Đình Gi.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Lê Đình Gi trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Lê Thị Tường V, sinh ngày 28/8/2018 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con hàng tháng, với số tiền là 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2021 đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Gi, buộc chị Nguyễn Thị Th phải cấp dưỡng cho con một lần trong thời gian từ tháng 6 năm 2020 đến tháng 6 năm 2021 là 13 tháng, với số tiền là 1000.000đ/tháng. Tổng là 13.000.000đ (mười ba triệu đồng).

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng (trả tiền), anh Gi có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Th chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng (trả tiền) thì chị Th phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền thì được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về quan hệ tài sản chung:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Đình Gi, xác định chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Jannut, biển số 34E1-236.05, trị giá 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) là tài sản chung của anh Gi, chị Th. Xử giao cho chị Nguyễn Thị Th quyền sở hữu, sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Jannut, biển số 34E1 – 236.05; chị Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ trả có anh Lê Đình Gi số tiền 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

- Bác yêu cầu khởi kiện của anh Lê Đình Gi về việc xác định 01 dây chuyền 03 chỉ vàng 9999 hiện chị Th đang quản lý, sử dụng là tài sản chung để chia. Xác định dây chuyền 03 chỉ vàng 9999 chị Th đang quản lý, sử dụng là tài sản riêng của chị Th.

4. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), 300.000đ án phí cấp dưỡng cho con và 375.000đ (ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí chia tài sản, được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0004406, ngày 16 tháng 12 năm 2020, chị Th còn phải nộp số tiền 675.000đ (sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Anh

Gi phải chịu 375.000đ (ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự chia tài sản, được đối với vào số tiền 1.118.000đ tạm ứng án phí anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0004441, ngày 10 tháng 3 năm 2021; trả lại anh Gi số tiền 743.000đ (bảy trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

5. Về lệ phí định giá tài sản: Chị Th, anh Gi mỗi người phải chịu 450.000đ (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí định giá tài sản. Trong đó anh Gi đã nộp cả 900.000đ, nay chị Th có nghĩa vụ thanh toán trả anh Gi số tiền 450.000đ (bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Gi có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Th chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền thì được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Th, anh Lê Đình Gi có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 01/7/2021.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã H, huyện Gi;
- Dương sự;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Quân